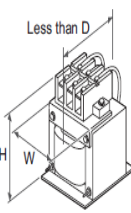
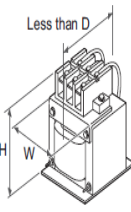
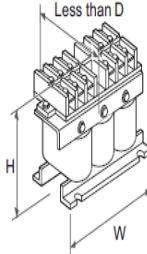
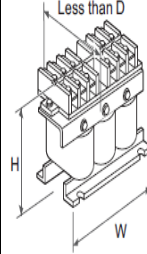
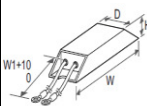
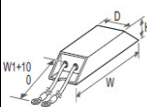


Biến Tần FR-A740 Series	Mã sản phẩm	Công suất Motor (kW)	Công suất ngõ ra	Dòng định mức (A)	Khả năng chịu quá tải	Đơn giá 2013 (VND)
3P, 380 ~ 480VAC 	FR-A740-0.4K	0.4	1.1	1.5	150% 60s, 200% 3s	21,405,000
	FR-A740-0.75K	0.75	1.9	2.5	150% 60s, 200% 3s	23,918,000
	FR-A740-1.5K	1.5	3	4	150% 60s, 200% 3s	26,702,000
	FR-A740-2.2K	2.2	4.6	6	150% 60s, 200% 3s	28,823,000
	FR-A740-3.7K	3.7	6.9	9	150% 60s, 200% 3s	38,371,000
	FR-A740-5.5K	5.5	9.1	12	150% 60s, 200% 3s	45,067,000
	FR-A740-7.5K	7.5	13	17	150% 60s, 200% 3s	55,085,000
	FR-A740-11K	11	17.5	23	150% 60s, 200% 3s	62,484,000
	FR-A740-15K	15	23.6	31	150% 60s, 200% 3s	70,183,000
	FR-A740-18.5K	18.5	29	38	150% 60s, 200% 3s	95,380,000
	FR-A740-22K	22	32.8	44	150% 60s, 200% 3s	104,467,000
	FR-A740-30K	30	43.4	57	150% 60s, 200% 3s	135,077,000
	FR-A740-37K	37	54	71	150% 60s, 200% 3s	162,170,000
	FR-A740-45K	45	65	86	150% 60s, 200% 3s	189,197,000
	FR-A740-55K	55	84	110	150% 60s, 200% 3s	216,158,000
	FR-A740-75K	75	110	144	150% 60s, 200% 3s	(*)
	FR-A740-90K	90	137	180	150% 60s, 200% 3s	(*)
	FR-A740-110K	110	165	216	150% 60s, 200% 3s	(*)
	FR-A740-132K	132	198	260	150% 60s, 200% 3s	(*)
	FR-A740-160K	160	248	325	150% 60s, 200% 3s	(*)
	FR-A740-185K	185	275	361	150% 60s, 200% 3s	(*)
	FR-A740-220K	220	329	432	150% 60s, 200% 3s	(*)
	FR-A740-250K	250	367	481	150% 60s, 200% 3s	(*)
FR-A740-280K	280	417	547	150% 60s, 200% 3s	(*)	
FR-A740-315K	315	465	610	150% 60s, 200% 3s	(*)	
FR-A740-355K	355	521	683	150% 60s, 200% 3s	(*)	
FR-A740-400K	400	587	770	150% 60s, 200% 3s	(*)	
FR-A740-450K	450	660	866	150% 60s, 200% 3s	(*)	
FR-A740-500K	500	733	962	150% 60s, 200% 3s	(*)	
Biến tần FR-E740 series	Mã sản phẩm	Công suất Motor (kW)	Công suất ngõ ra	Dòng định mức (A)	Khả năng chịu quá tải	Đơn giá 2013 (VND)
3P, 380 ~ 480VAC 	FR-E740-0.4K	0.4	1.2	1.6	150% 60s, 200% 3s	14,460,000
	FR-E740-0.75K	0.75	2	2.6	150% 60s, 200% 3s	15,652,000
	FR-E740-1.5K	1.5	3	4	150% 60s, 200% 3s	18,330,000
	FR-E740-2.2K	2.2	4.6	6	150% 60s, 200% 3s	22,913,000
	FR-E740-3.7K	3.7	7.2	9.5	150% 60s, 200% 3s	28,199,000
	FR-E740-5.5K	5.5	9.1	12	150% 60s, 200% 3s	33,832,000
	FR-E740-7.5K	7.5	13	17	150% 60s, 200% 3s	44,409,000
	FR-E740-11K	11	17.5	23	150% 60s, 200% 3s	53,150,000
	FR-E740-15K	15	23	30	150% 60s, 200% 3s	60,076,000
Biến Tần FR-D740 Series	Mã sản phẩm	Công suất Motor (kW)	Công suất ngõ ra	Dòng định mức (A)	Khả năng chịu quá tải	Đơn giá 2013 (VND)
3P, 380 ~ 480VAC 	FR-D740-0.4K	0.4	0.9	1.2	150% 60s, 200% 0.5s	10,982,000
	FR-D740-0.75K	0.75	1.7	2.2	150% 60s, 200% 0.5s	11,271,000
	FR-D740-1.5K	1.5	2.7	3.6	150% 60s, 200% 0.5s	12,883,000
	FR-D740-2.2K	2.2	3.8	5	150% 60s, 200% 0.5s	16,125,000
	FR-D740-3.7K	3.7	6.1	8	150% 60s, 200% 0.5s	19,831,000
	FR-D740-5.5K	5.5	9.1	12	150% 60s, 200% 0.5s	24,121,000
	FR-D740-7.5K	7.5	12.2	16	150% 60s, 200% 0.5s	31,215,000
	FR-D740-11K	11	17.5	23	150% 60s, 200% 0.5s	42,206,000
	FR-D740-15K	15	22.5	29.5	150% 60s, 200% 0.5s	47,702,000

Biến Tần FR-A720 Series						
	Mã sản phẩm	Công suất Motor (kW)	Công suất ngõ ra	Dòng định mức (A)	Khả năng chịu quá tải	Đơn giá 2013 (VND)
3P, 200 ~ 240VAC 	FR-A720-0.4K	0.4	1.1	3	150% 60s, 200% 3s	16,634,000
	FR-A720-0.75K	0.75	1.9	5	150% 60s, 200% 3s	19,813,000
	FR-A720-1.5K	1.5	3.1	8	150% 60s, 200% 3s	20,808,000
	FR-A720-2.2K	2.2	4.2	11	150% 60s, 200% 3s	24,846,000
	FR-A720-3.7K	3.7	6.7	17.5	150% 60s, 200% 3s	28,688,000
	FR-A720-5.5K	5.5	9.2	24	150% 60s, 200% 3s	40,018,000
	FR-A720-7.5K	7.5	12.6	33	150% 60s, 200% 3s	45,182,000
	FR-A720-11K	11	17.6	46	150% 60s, 200% 3s	48,696,000
	FR-A720-15K	15	23.3	61	150% 60s, 200% 3s	59,426,000
	FR-A720-18.5K	18.5	29	76	150% 60s, 200% 3s	72,080,000
	FR-A720-22K	22	34	90	150% 60s, 200% 3s	91,687,000
	FR-A720-30K	30	44	115	150% 60s, 200% 3s	116,063,000
	FR-A720-37K	37	55	145	150% 60s, 200% 3s	159,519,000
	FR-A720-45K	45	67	175	150% 60s, 200% 3s	185,621,000
	FR-A720-55K	55	82	215	150% 60s, 200% 3s	223,377,000
FR-A720-75K	75	110	288	150% 60s, 200% 3s		
FR-A720-90K	90	132	346	150% 60s, 200% 3s		
Biến tần FR-E720 series						
	Mã sản phẩm	Công suất Motor (kW)	Công suất ngõ ra	Dòng định mức (A)	Khả năng chịu quá tải	Đơn giá 2013 (VND)
3P, 200 ~ 240VAC 	FR-E720-0.1K	0.1	0.3	0.8	150% 60s, 200% 3s	8,580,000
	FR-E720-0.2K	0.2	0.6	1.5	150% 60s, 200% 3s	9,291,000
	FR-E720-0.4K	0.4	1.2	3	150% 60s, 200% 3s	10,150,000
	FR-E720-0.75K	0.75	2	5	150% 60s, 200% 3s	11,437,000
	FR-E720-1.5K	1.5	3.2	8	150% 60s, 200% 3s	13,219,000
	FR-E720-2.2K	2.2	4.4	11	150% 60s, 200% 3s	14,295,000
	FR-E720-3.7K	3.7	7	17.5	150% 60s, 200% 3s	17,866,000
	FR-E720-5.5K	5.5	9.5	24	150% 60s, 200% 3s	31,435,000
	FR-E720-7.5K	7.5	13.1	33	150% 60s, 200% 3s	37,152,000
	FR-E720-11K	11	18.7	47	150% 60s, 200% 3s	46,099,000
	FR-E720-15K	15	23.9	60	150% 60s, 200% 3s	51,870,000
Biến tần FR-D720S series						
	Mã sản phẩm	Công suất Motor (kW)	Công suất ngõ ra	Dòng định mức (A)	Khả năng chịu quá tải	Đơn giá 2013 (VND)
1P, 200 ~ 240VAC 	FR-D720S-0.1K	0.1	0.3	0.8	150% 60s, 200% 0.5s	6,680,000
	FR-D720S-0.2K	0.2	0.6	1.4	150% 60s, 200% 0.5s	7,034,000
	FR-D720S-0.4K	0.4	1	2.5	150% 60s, 200% 0.5s	7,705,000
	FR-D720S-0.75K	0.75	1.7	4.2	150% 60s, 200% 0.5s	8,223,000
	FR-D720S-1.5K	1.5	2.8	7	150% 60s, 200% 0.5s	9,970,000
	FR-D720S-2.2K	2.2	4	10	150% 60s, 200% 0.5s	12,120,000
Biến tần FR-D720 series						
	Mã sản phẩm	Công suất Motor (kW)	Công suất ngõ ra	Dòng định mức (A)	Khả năng chịu quá tải	Đơn giá 2013 (VND)
3P, 200 ~ 240VAC 	FR-D720-0.2K	0.2	0.6	1.4	150% 60s, 200% 0.5s	6,175,000
	FR-D720-0.4K	0.4	1	2.5	150% 60s, 200% 0.5s	6,388,000
	FR-D720-0.75K	0.75	1.7	4.2	150% 60s, 200% 0.5s	6,639,000
	FR-D720-1.5K	1.5	2.8	7	150% 60s, 200% 0.5s	7,908,000
	FR-D720-2.2K	2.2	4	10	150% 60s, 200% 0.5s	9,569,000
	FR-D720-3.7K	3.7	6.6	16.5	150% 60s, 200% 0.5s	10,280,000
	FR-D720-5.5K	5.5	9.5	23.8	150% 60s, 200% 0.5s	21,992,000
FR-D720-7.5K	7.5	12.7	31.8	150% 60s, 200% 0.5s	27,623,000	

	FR-D720-11K	11	17.9	45	150% 60s, 200% 0.5s	39,831,000
	FR-D720-15K	15	23.1	58	150% 60s, 200% 0.5s	44,143,000
Biến tần FR-F720 series	Mã sản phẩm	Công suất Motor (kW)	Công suất ngõ ra	Dòng định mức (A)	Khả năng chịu quá tải	Đơn giá 2013 (VND)
3P, 200 ~ 240VAC	FR-F720P-0.75K	0.75	1.6	4.2	150% 60s, 200% 3s	18,820,000
	FR-F720P-1.5K	1.5	2.7	7	150% 60s, 200% 3s	18,687,000
	FR-F720P-2.2K	2.2	3.7	9.6	150% 60s, 200% 3s	22,330,000
	FR-F720P-3.7K	3.7	5.8	15.2	150% 60s, 200% 3s	26,172,000
	FR-F720P-5.5K	5.5	8.8	23	150% 60s, 200% 3s	34,520,000
	FR-F720P-7.5K	7.5	11.8	31	150% 60s, 200% 3s	41,276,000
	FR-F720P-11K	11	17.1	45	150% 60s, 200% 3s	41,673,000
	FR-F720P-15K	15	22.1	58	150% 60s, 200% 3s	52,208,000
	FR-F720P-18.5K	18.5	27	70	150% 60s, 200% 3s	52,208,000
	FR-F720P-22K	22	32	85	150% 60s, 200% 3s	74,861,000
	FR-F720P-30K	30	43	114	150% 60s, 200% 3s	77,511,000
	FR-F720P-37K	37	53	140	150% 60s, 200% 3s	119,242,000
	FR-F720P-45K	45	65	170	150% 60s, 200% 3s	144,416,000
	FR-F720P-55K	55	81	212	150% 60s, 200% 3s	175,551,000
	FR-F720P-75K	75	110	288	150% 60s, 200% 3s	(*)
FR-F720P-90K	90	132	346	150% 60s, 200% 3s	(*)	
FR-F720P-110K	110	165	432	150% 60s, 200% 3s	(*)	
Biến tần FR-F740 series	Mã sản phẩm	Công suất Motor (kW)	Công suất ngõ ra	Dòng định mức (A)	Khả năng chịu quá tải	Đơn giá 2013 (VND)
3P, 380 ~ 480VAC	FR-F740P-0.75K	0.75	1.6	2.1	150% 60s, 200% 3s	22,312,000
	FR-F740P-1.5K	1.5	2.7	3.5	150% 60s, 200% 3s	24,931,000
	FR-F740P-2.2K	2.2	3.7	4.8	150% 60s, 200% 3s	27,663,000
	FR-F740P-3.7K	3.7	5.8	7.6	150% 60s, 200% 3s	31,524,000
	FR-F740P-5.5K	5.5	8.8	11.5	150% 60s, 200% 3s	37,684,000
	FR-F740P-7.5K	7.5	12.2	16	150% 60s, 200% 3s	43,965,000
	FR-F740P-11K	11	17.5	23	150% 60s, 200% 3s	53,926,000
	FR-F740P-15K	15	22.1	29	150% 60s, 200% 3s	61,366,000
	FR-F740P-18.5K	18.5	26.7	35	150% 60s, 200% 3s	68,766,000
	FR-F740P-22K	22	32.8	43	150% 60s, 200% 3s	93,393,000
	FR-F740P-30K	30	43.4	57	150% 60s, 200% 3s	101,621,000
	FR-F740P-37K	37	53.3	70	150% 60s, 200% 3s	139,581,000
	FR-F740P-45K	45	64.8	85	150% 60s, 200% 3s	168,436,000
	FR-F740P-55K	55	80.8	106	150% 60s, 200% 3s	196,042,000
	FR-F740P-75K	75	110	144	150% 60s, 200% 3s	(*)
	FR-F740P-90K	90	137	180	150% 60s, 200% 3s	(*)
	FR-F740P-110K	110	165	216	150% 60s, 200% 3s	(*)
	FR-F740P-132K	132	198	260	150% 60s, 200% 3s	(*)
	FR-F740P-160K	160	247	325	150% 60s, 200% 3s	(*)
	FR-F740P-185K	185	275	361	150% 60s, 200% 3s	(*)
	FR-F740P-220K	220	329	432	150% 60s, 200% 3s	(*)
	FR-F740P-250K	250	366	481	150% 60s, 200% 3s	(*)
	FR-F740P-280K	280	416	547	150% 60s, 200% 3s	(*)
FR-F740P-315K	315	464	610	150% 60s, 200% 3s	(*)	
FR-F740P-355K	355	520	683	150% 60s, 200% 3s	(*)	
FR-F740P-400K	400	586	770	150% 60s, 200% 3s	(*)	
FR-F740P-450K	450	659	866	150% 60s, 200% 3s	(*)	
FR-F740P-500K	500	733	962	150% 60s, 200% 3s	(*)	
FR-F740P-560K	560	833	1094	150% 60s, 200% 3s	(*)	

Bộ truyền thông và Cáp kết nối	Mã sản phẩm	Chức năng	Đơn giá 2013 (VND)			
	FR-DU07	Bộ cài đặt thông số tiêu chuẩn theo Biến tần				
	FR-PU07	Bộ cài đặt thông số mở rộng dùng cho biến tần A700, F700 series	4,811,000			
	FR-PU07BB	Bộ cài đặt thông số mở rộng có tích hợp Pin	14,311,000			
	FR-PU04	Bộ cài đặt thông số mở rộng dùng cho biến tần A500, F500, S500	3,513,000			
	FR-PA07	Bộ cài đặt thông số mở rộng dùng cho biến tần E700 series	2,023,000			
	FR-CB201	Cáp kết nối với bộ cài đặt thông số mở rộng - 1M	1,378,000			
	FR-CB203	Cáp kết nối với bộ cài đặt thông số mở rộng - 3M	2,023,000			
	FR-CB205	Cáp kết nối với bộ cài đặt thông số mở rộng - 5M	2,662,000			
	FR-ADP	OPERATION PANEL CONNECTION CONNECTOR	890,000			
	FR-A7NC	Bộ truyền thông CC-LINK	14,311,000			
	FR-A7NL	Bộ truyền thông LONWORKS	15,135,000			
	FR-A7ND	Bộ truyền thông DeviceNet	23,845,000			
	FR-A7NP	Bộ truyền thông PROFIBUS-DP	25,683,000			
	FR-A7NC-Ekit	Bộ truyền thông CC-LINK, dùng cho biến tần E700 series	14,311,000			
	FR-A7NL-Ekit	Bộ truyền thông LONWORKS, dùng cho biến tần E700 series	15,135,000			
	FR-A7ND-Ekit	Bộ truyền thông DeviceNet, dùng cho biến tần E700 series	23,845,000			
	FR-A7NP-Ekit	Bộ truyền thông PROFIBUS-DP, dùng cho biến tần E700 series	25,683,000			
	FR-A7AP	Bộ ENCODER	3,632,000			
	FR-A7AX	Bộ chức năng ngõ vào số 16 bit	4,218,000			
	FR-A7AR-Ekit	Bộ chức năng ngõ ra Relay dùng cho biến tần E700 Series	4,218,000			
	FR-A7AX-Ekit	Bộ chức năng ngõ vào số 16 bit dùng cho biến tần E700 Series	4,218,000			
	FR-BSF01	Lọc nhiễu dùng cho biến tần công suất thấp (< 3.7kW)	2,525,000			
	FR-BLF	Lọc nhiễu	8,329,000			
	FR-A7AR	Bộ chức năng ngõ ra Relay	4,771,000			
	FR-A7AY	Bộ chức năng ngõ ra ANALOG mở rộng	6,241,000			
DC REACTOR	Mã sản phẩm	Công suất (KW)	Kích Thước (mm)			Đơn giá 2013 (VND)
			W	D	H	
Điện áp 200V 	FR-HEL-0.4K	0.4	70	61	71	4,112,000
	FR-HEL-0.75K	0.75	85	61	81	4,619,000
	FR-HEL-1.5K	1.5	85	70	81	5,133,000
	FR-HEL-2.2K	2.2	85	70	81	5,648,000
	FR-HEL-3.7K	3.7	77	82	92	6,162,000
	FR-HEL-5.5K	5.5	77	92	92	7,446,000
	FR-HEL-7.5K	7.5	86	98	113	8,987,000
	FR-HEL-11K	11	105	112	133	10,786,000
	FR-HEL-15K	15	105	115	133	12,842,000
	FR-HEL-18.5K	18.5	105	165	93	15,405,000
	FR-HEL-22K	22	105	175	93	16,947,000
	FR-HEL-30K	30	114	200	100	22,593,000
	FR-HEL-37K	37	133	195	117	23,364,000
	FR-HEL-45K	45	133	205	117	30,565,000
	FR-HEL-55K	55	133	209	132	32,364,000
Điện áp 400V 	FR-HEL-H0.4K	0.4	90	60	78	4,110,000
	FR-HEL-H0.75K	0.75	66	70	100	4,624,000
	FR-HEL-H1.5K	1.5	66	80	100	5,137,000
	FR-HEL-H2.2K	2.2	76	80	110	5,651,000
	FR-HEL-H3.7K	3.7	86	95	120	6,165,000
	FR-HEL-H5.5K	5.5	96	100	128	7,450,000
	FR-HEL-H7.5K	7.5	96	105	128	8,992,000
	FR-HEL-H11K	11	105	110	137	10,790,000
	FR-HEL-H15K	15	105	125	152	12,846,000
	FR-HEL-H18.5K	18.5	114	120	162	15,416,000
	FR-HEL-H22K	22	133	120	178	16,958,000
	FR-HEL-H30K	30	133	120	178	22,611,000

	FR-HEL-H37K	37	133	155	187	23,382,000	
	FR-HEL-H45K	45	133	170	187	30,577,000	
	FR-HEL-H55K	55	152	170	206	32,377,000	
AC REACTOR	Mã sản phẩm	Công suất (KW)	Kích Thước (mm)			Đơn giá 2013 (VND)	
			W	D	H		
Điện áp 200V 	FR-HAL-0.4K	0.4	104	72	99	4,791,000	
	FR-HAL-0.75K	0.75	104	74	99	5,245,000	
	FR-HAL-1.5K	1.5	104	77	99	5,450,000	
	FR-HAL-2.2K	2.2	115	77	115	5,904,000	
	FR-HAL-3.7K	3.7	115	83	115	7,722,000	
	FR-HAL-5.5K	3.5	115	83	115	9,331,000	
	FR-HAL-7.5K	7.5	130	100	135	9,990,000	
	FR-HAL-11K	11	160	111	164	12,710,000	
	FR-HAL-15K	15	160	126	167	16,143,000	
	FR-HAL-18.5K	18.5	160	175	128	18,159,000	
	FR-HAL-22K	22	185	158	150	20,228,000	
	FR-HAL-30K	30	185	168	150	34,044,000	
	FR-HAL-37K	37	210	174	175	42,221,000	
	FR-HAL-45K	45	210	191	175	47,010,000	
	FR-HAL-55K	55	210	201	175	58,362,000	
Điện áp 400V 	FR-HAL-H0.4K	0.4	135	59.6	115	5,904,000	
	FR-HAL-H0.75K	0.75	135	59.6	115	6,358,000	
	FR-HAL-H1.5K	1.5	135	59.6	115	6,814,000	
	FR-HAL-H2.2K	2.2	135	59.6	115	7,268,000	
	FR-HAL-H3.7K	3.7	135	70.6	115	7,722,000	
	FR-HAL-H5.5K	3.5	160	72	142	9,331,000	
	FR-HAL-H7.5K	7.5	160	91	142	9,990,000	
	FR-HAL-H11K	11	160	91	146	12,710,000	
	FR-HAL-H15K	15	220	105	195	16,143,000	
	FR-HAL-H18.5K	18.5	220	170	215	18,159,000	
	FR-HAL-H22K	22	220	170	215	20,228,000	
	FR-HAL-H30K	30	220	170	215	34,044,000	
	FR-HAL-H37K	37	220	170	214	42,221,000	
	FR-HAL-H45K	45	280	165	245	47,010,000	
	FR-HAL-H55K	55	280	170	245	58,362,000	
	FR-HAL-H75K	75	205	208	170	(*)	
	FR-HAL-H110K	110				(*)	
	FR-HAL-H185K	185				(*)	
	FR-HAL-H280K	280				(*)	
	FR-HAL-H355K	355				(*)	
FR-HAL-H560K	560				(*)		
Điện trở thẳng	Mã sản phẩm	Công suất (KW)	Kích thước (mm)			Giá trị điện trở (Ω)	Đơn giá 2013 (VND)
			W	D	H		
Điện áp 200V 	FR-ABR-3.7K	3.7	215	61	33	40	1,488,000
	FR-ABR-5.5K	5.5	335	61	33	25	1,909,000
	FR-ABR-7.5K	7.5	400	80	40	20	3,472,000
	FR-ABR-11K	11	400	100	50	13	6,556,000
	FR-ABR-15K	15	300	100	50	18(x1/2)	8,276,000
	FR-ABR-22K	22				13(x1/2)	15,135,000
Điện áp 400V 	FR-ABR-H3.7K	3.7	215	61	33	150	2,118,000
	FR-ABR-H5.5K	5.5	335	61	33	110	2,541,000
	FR-ABR-H7.5K	7.5	400	80	40	75	4,226,000
	FR-ABR-H11K	11	400	100	50	52	10,095,000
	FR-ABR-H15K	15	300	100	50	18(x2)	12,605,000
	FR-ABR-H22K	22				52(x1/2)	17,659,000

Bộ thắng	Mã sản phẩm	Công suất (KW)		Đơn giá 2013 (VND)	
Điện áp 200V	FR-BU2-1.5K	1.5		17,151,000	
	FR-BU2-3.7K	3.7		18,666,000	
	FR-BU2-7.5K	7.5		20,182,000	
	FR-BU2-15K	15		23,707,000	
	FR-BU2-30K	30		58,013,000	
	FR-BU2-55K	55		96,846,000	
Điện áp 400V	FR-BU2-H7.5K	7.5		35,316,000	
	FR-BU2-H15K	15		30,926,000	
	FR-BU2-H30K	30		40,565,000	
	FR-BU2-H55K	55		92,820,000	
	FR-BU2-H75K	75		(*)	
	FR-BU2-H220K	220		(*)	
	FR-BU2-H280K	280		(*)	
Bộ điện trở	Mã sản phẩm	Công suất (KW)	Năng lượng tiêu thụ	Giá trị điện trở (Ω)	Đơn giá 2013 (VND)
Điện áp 200V	FR-BR-15K	15	990W	8	19,773,000
	FR-BR-30K	30	1990W	4	37,833,000
	FR-BR-55K	55	3910W	2	49,434,000

	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT ĐIỆN LIÊN MINH NGUYỄN Địa Chỉ: 116A Đường Số 2, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh Văn Phòng Đại Diện: 14 Đường Số 15, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh Điện Thoại: 08. 3740. 7537 - Fax: 08. 3740. 6537 - MST: 0312 385 348 Web: www.bandodien.com - Email: bandodien@gmail.com - H/P: 0902.22.11.34
	     